

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/KDTM-PT
Ngày: 23 - 4 - 2021
V/v tranh chấp Hợp đồng thuê
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Thẩm phán:

Bà Ngô Ngọc Phi

Bà Lâm Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLPT-KDTM, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng thuê tài sản”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2020/KDTM-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV. Địa chỉ: Lô 123 đường C - Khu công nghiệp T, quận B, Thành phố C.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thụy Nh – Chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Dương Minh C, sinh năm 1947; (vắng mặt)

2.2. Ông Dương Minh Tr, sinh năm 1982. Là chủ Doanh nghiệp tư nhân HH; (vắng mặt);

2.3. Bà Phạm Thị Lệ H, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 234 Quốc lộ 9X, ấp V, xã VT, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông C, bà H, ông Tr: Ông Phạm Hữu K, sinh năm 1963. (Có mặt) Địa chỉ cư trú: Số 321, đường tỉnh 92X ấp TL, xã TA, huyện CD, thành phố T (Theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 7 năm 2018)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thanh M (Đum), sinh năm 1951 (có đơn xin vắng mặt) là chủ DNTN Thanh M. Trụ sở doanh nghiệp: 133 LTK, huyện Ng, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ nơi cư trú ông Lê Thanh M: Ấp Bình K Thượng, xã TT, huyện Ng, tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Lê Thanh M: Số 451111, ấp T, xã TT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: số 543, ấp 2X xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV là nguyên đơn; lần lượt ông Dương Minh C, ông Dương Minh Tr (Chủ Doanh nghiệp tư nhân HH) và bà Phạm Thị Lệ H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/10/2016, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV (gọi tắt là Công ty HV) do bà Trần Thụy Nh đại diện theo pháp luật) trình bày yêu cầu khởi kiện Nh sau:

Công ty HV trình bày: Công ty HV có cho Doanh nghiệp tư nhân HH (gọi tắt là DN HH) – do ông Dương Minh C làm chủ (chủ DN HH trước ngày 05/01/2016) thuê hệ thống cấp đông hoàn chỉnh gồm 03 tủ đông tiếp xúc 1.000kg/mẽ/3 giờ và 01 tủ cấp đông gió 1.000kg/mẽ/5 giờ, theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2011 ngày 30/4/2011. Hàng tháng, dựa vào sản lượng và định mức theo Điều 2 của Hợp đồng làm căn cứ tính tiền và xuất hóa đơn đầy đủ hàng tháng.

Ngày 07/5/2013, Công ty HV và DN HH – do ông Dương Minh C làm chủ, ký kết Phụ lục hợp đồng kinh tế số PL-01/HĐKT-2013 tiếp tục gia hạn thời gian thuê của hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2011 ngày 30/4/2011, có thời hạn là 12 tháng.

Ngày 01/6/2014, Công ty HV và DN HH – do ông Dương Minh C làm chủ, ký kết Phụ lục hợp đồng kinh tế số PL-01/HĐKT-2014 tiếp tục gia hạn thời gian thuê của hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2011 ngày 30/4/2011, có thời hạn là 06 tháng.

Ngày 01/01/2015, Công ty HV và DN HH – do ông Dương Minh C làm chủ, ký kết Phụ lục hợp đồng kinh tế số PL-01/HĐKT-2015 tiếp tục gia hạn thời gian thuê của hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2011 ngày 30/4/2011, có thời hạn là 10 tháng (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/10/2015).

Khi đã hết thời hạn theo Phụ lục hợp đồng số 01-2015, Công ty HV đề nghị DN HH ký lại hợp đồng kinh tế. Nhưng DN HH không đồng ý ký tiếp hợp đồng. Nhưng vẫn xác định sản lượng làm định mức giá trị thanh toán. Ngày 25/4/2016,

Công ty HV có đến kiểm kê toàn bộ hệ thống thiết bị lạnh hoàn chỉnh và đề nghị DN HH ký lại hợp đồng kinh tế để Công ty HV có cơ sở đại tu hệ thống thiết bị. Nhưng DN HH vẫn không chịu ký hợp đồng mới.

Ngày 16/5/2016, Công ty HV có gửi công văn số 10/HV-2016 để thông báo về việc tháo gỡ hệ thống máy móc đem về với lý do DN HH không ký tiếp hợp đồng mới và đề nghị thanh toán hết phần công nợ.

Phụ lục hợp đồng kinh tế số PL-01/HĐKT-2015 hết hạn đã lâu, phía DN HH không ký kết hợp đồng mới. Nhưng hàng tháng có xác nhận sản lượng nên Công ty HV vẫn xuất hóa đơn cho DN HH.

Ngày 22/9/2016, Công ty HV có đến DN HH đề nghị ký Phụ lục hợp đồng số PL-02/HĐKT-2015. Nhưng DN HH không chịu ký kết nên Công ty HV yêu cầu ngưng chạy máy và đề nghị tháo gỡ hệ thống cấp đông, các thiết bị máy móc đem về thì DN HH không cho và thách thức.

Hiện DN HH còn nợ Công ty HV tiền thuê tủ đông 02 tháng (tháng 7 và tháng 8/2016) là 28.282.970 đồng và tiền thuê tủ đông của tháng 9/2016. Công ty HV nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở Nhưng chủ DN HH không thanh toán tiền thuê và không có thiện chí hợp tác. Công ty HV có yêu cầu khởi kiện Nh sau:

Buộc chủ DN HH do ông Dương Minh Tr làm chủ DN HH pM tháo gỡ và trả lại cho Công ty HV các thiết bị, máy móc đã cho thuê bao gồm:

- 03 tủ cấp đông tiếp xúc 1.000kg/m³/3 giờ;
- 01 tủ cấp đông gió 1.000kg/m³/5 giờ;
- Hệ thống hoàn chỉnh vận hành cho 04 tủ cấp đông trên gồm: 01 cụm máy nén Mycom 62B; 03 cụm máy nén Mycom 42B; 01 bình chứa cao áp phi 1066 x 5,1m; 02 bình ngưng tụ phi 508 x 3m; 01 bình tháp áp phi 1066 x 2,4m; 01 bình trung gian; 01 bình gom nhớt; 04 tủ điện điều khiển; 04 tủ điều khiển bom dịch; 01 tháp giải nhiệt; 01 hệ thống ống dẫn gas và van điều khiển.

Buộc chủ DN HH pM thanh toán tiền thuê chưa trả của tháng 7 và 8 năm 2016 là 28.282.970 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi đồng) và tiền thuê tủ tháng 9/2016 cho đến khi trả hết nợ tiền thuê cho Công ty HV.

Ngày 20 tháng 10 năm 2016, Công ty HV có yêu cầu khởi kiện bổ sung: Buộc ông Dương Minh Tr – chủ DNTN HH, ông Dương Minh C, bà Phạm Thị Lệ H cùng có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản thuê; trả tiền thuê tháng 10,11/2016 là 42.350.000 đồng (đã đối chiếu sản lượng), tiếp tục tính tiền thuê từ tháng 12/2016 đến khi xét xử xong vụ án. Yêu cầu trả nợ cũ tiền thuê của tháng 7, 8, 10, 11/2011, tháng 5/2012 và tháng 9/2016 tổng nợ là 186.599.928 đồng.

- Bị đơn ông Dương Minh C có văn bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai, ý kiến của ông C tại phiên họp, phiên K giải, đối chất, tại phiên tòa: Ông C cho rằng ông Lê Thanh M nợ tiền thuê kho của ông nên công ty HV muốn lấy tài sản về thì pM trả tiền thuê kho cho ông C. Ông C trình bày không biết tài sản các tủ cấp đông là của ai, đã có sẵn trong kho của ông thì là tài sản của ông. Nếu công

ty HV muốn lấy tài sản thì buộc ông Lê Thanh M trả tiền thuê kho cho ông thì ông mới cho tháo gỡ tài sản, vì ông C cho rằng các tủ cấp đông là của ông Lê Thanh M nên ông C sẽ lấy các tủ cấp đông để trừ nợ của ông Lê Thanh M. Đồng thời, ông C gửi văn bản thông báo cho Tòa án biết ông sẽ bán toàn bộ tài sản mặc dù tài sản đang tranh chấp.

- Bị đơn bà H có văn bản trình ý kiến, biên bản lấy lời khai, biên bản K giải, đối chất, tại phiên tòa trình bày Nh sau: Các tài sản mà nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà, cùng con bà pM trả lại thì bà không đồng ý. Lý do các tài sản này đã có sẵn trong kho của DN HH, ông C kêu bà quản lý thì bà quản lý, sử dụng, bà có quyền ký các Phụ lục hợp đồng thuê máy với Công ty HV (với chức danh là quản đốc DN HH) Nhng không biết là tài sản của ai, việc chuyển trả tiền thuê tủ cấp đông hàng tháng cho Công ty HV là được sự đồng ý của ông Dương Minh C (chồng bà H) vì ông C là chủ DN HH nên ông C là chủ tài khoản, có sự đồng ý của chủ tài khoản thì mới chuyển trả tiền thuê được. Các vấn đề liên quan đến việc trả tiền thuê, trả lại các tủ đông cho Công ty HV do chồng bà là ông C quyết định, bà đồng ý với ý kiến ông C.

- Bị đơn ông Dương Minh Tr là chủ DNTN HH từ ngày 05 tháng 01 năm 2016 có văn bản trình bày ý kiến, ý kiến tại phiên tòa: Ông Tr là chủ DN HH Nhng mọi việc do ông C quyết định, ông không biết, ông không có trách nhiệm gì trong hợp đồng thuê tài sản giữa DN HH với Công ty HV.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh M (Đum), trình bày ý kiến tại biên bản lấy lời khai Nh sau: Vào năm 2010, ông có thuê mặt bằng của ông Dương Minh C để làm cơ sở chế biến cá Nhng do xin phép không được nên ông C đã tự ý chiếm lấy hết toàn bộ tài sản là các dụng cụ chế biến cá của ông. Riêng về nguồn gốc tài sản các tủ cấp đông là của Công ty HV, ông M chỉ là người thuê lại hệ thống các tủ đông của Công ty HV trong thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 8/2010. Toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị là do người của Công ty HV điều khiển vận hành máy móc.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Ông Dương Minh C, bà Phạm Thị Lệ H, ông Dương Minh Tr tự ý tháo gỡ toàn bộ hệ thống tài sản thuê đang tranh chấp với Công ty HV bán để tự cân trừ khoản nợ mà ông C cho rằng ông M nợ ông C, làm cản trở hoạt động tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2020/KDTM-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định số 27/2020/QĐ-SĐBSBA ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang quyết định:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ cũ là 186.599.928 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV đối với giá trị tài sản thuê là 1.867.373.200 đồng;

- Chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền thuê đối với số tiền 1.257.350.000 đồng (gồm tiền thuê tháng 10 và 11/2016 là 42.350.000 đồng + tiền thuê từ tháng 12/2016 đến tháng 8/2020 là 1.215.000.000 đồng).

- Buộc bị đơn ông Dương Minh Tr – Chủ DNTN HH, ông Dương Minh C, bà Phạm Thị Lệ H cùng có nghĩa liên đới trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV tổng số tiền là: 3.124.723.200 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm trả theo quy định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo ngày 01/9/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV là nguyên đơn trong vụ án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn trả lại tài sản cho công ty; trả tiền thuê từ tháng 10, 11/2016 và tiếp tục thanh toán tiền thuê từ tháng 12/2016 cho đến khi vụ án kết thúc và xem xét lại việc tính tiền án phí sơ thẩm.

Tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 18/3/2021, nguyên đơn yêu cầu:

- Duy trì số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) mà Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu của ông C gửi tại kho bạc Nhà nước tỉnh An Giang để đảm bảo Thi hành án; duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P để đảm bảo thi hành án; yêu cầu tuyên trả lại số tiền 400.000.000 đồng đã thực hiện biện pháp bảo đảm; yêu cầu xem xét lại phần tiền thuê tài sản và tiền thuê phát sinh từ tháng 10, 11 năm 2016 và xem xét lại giá trị tài sản còn lại sau khi trừ khấu hao đến ngày 30/8/2020.

Theo đơn kháng cáo ngày 31/8/2020 ông Dương Minh C, ông Dương Minh Tr, bà Phạm Thị Lệ H là bị đơn trong vụ án, yêu cầu xem xét lại Hợp đồng số 07/HĐKT-2011 là hợp đồng vô hiệu, yêu cầu xử lý hợp đồng vô hiệu theo quy định pháp luật, yêu cầu xem xét việc áp dụng luật của Tòa án cấp sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại tính liên đới, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với tài sản ông Dương Minh Tr, bác yêu cầu trả tiền thuê và xem xét lại toàn bộ việc định giá tài sản có trước có sau.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

- *Đại diện ủy quyền bị đơn trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu yêu cầu kháng cáo.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần của bản án sơ thẩm đối với phần yêu cầu trả giá trị tài sản, trả tiền thuê và phần án phí sơ thẩm đối với việc đòi tài sản pM tính án phí sơ thẩm không có giá ngạch và giải quyết các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và các biện pháp bảo đảm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV, lần lượt bị đơn ông Dương Minh C, ông Dương Minh Tr, bà Phạm Thị Lệ H nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2011, Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2013, Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2014, Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2015 thì người đại diện cho DN HH là ông Lê Minh Út (chức vụ Giám đốc sản xuất), bà Phạm Thị Lệ H (với tư cách là quản đốc, ký phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT - 2015) ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty HV.

Hợp đồng do ông Lê Minh Út là người đại diện ký hợp đồng vào ngày 30/4/2011, mặc dù ông Dương Minh C (là chủ DN HH) không pM là người trực tiếp ký vào Hợp đồng kinh tế và các Phụ lục hợp đồng kinh tế Nhưng có căn cứ buộc ông C có nghĩa vụ và trách nhiệm liên đới, vì:

+ Hoạt động của DN HH sử dụng các tủ cấp đông của Công ty HV đặt tại địa chỉ nhà của ông Dương Minh C, cả gia đình ông C đều sinh sống tại địa chỉ số 18/8 Quốc lộ 91, ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện P, tỉnh An Giang nên mọi hoạt động của DN HH thì ông C đều biết.

+ Tại biên bản lấy lời khai của ông Dương Minh C vào ngày 05/4/2016 tại công an huyện P đã thừa nhận thời gian ông C làm chủ DN HH thì ông Lê Minh Út và bà Phạm Thị Lệ H (vợ ông C) giữ vai trò là giám đốc sản xuất, quản đốc DN. Điều này đã chứng minh việc ông C đã biết và thừa nhận vai trò của ông Út và bà H khi ông Út, bà H thay mặt DN HH tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế với Công ty HV.

+ Ông C là chủ DN HH nên ông C là chủ tài khoản, là người trực tiếp quản lý doanh nghiệp, trực tiếp ký ủy nhiệm chi để trả tiền thuê tủ cho Công ty HV hàng tháng trong nhiều năm liên tục (được thể hiện bằng toàn bộ các chứng từ thu thập tại cơ quan thuế, các chứng từ chuyển tiền thông qua hệ thống ngân hàng từ năm 2010 đến năm 2016) đã được ông C thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2016. Đồng thời ông C xác định ông là người chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của DN HH.

+ Sau khi ông Út, bà H ký hợp đồng kinh tế thì ông C là người có thẩm quyền đã thông qua các chứng từ, tài liệu về kế toán, thông kê biết được hợp đồng kinh tế đó đã được ký kết và đang được thực hiện (đã ký trên hoá đơn, phiếu xuất kho, các khoản thu chi của việc thực hiện hợp đồng kinh tế và trên sổ sách kế toán của DN HH), bản thân ông C có những hành vi ký các văn bản duyệt

chi và quyết toán đối với việc thực hiện hợp đồng kinh tế do ông Út và bà H ký với Công ty HV.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2016, bà H thừa nhận ông C có biết việc làm của ông Út và bà H, ông C nói “*làm được thì làm*”, bà H cũng xác định hoạt động kinh doanh của DN HH có lợi nhuận là phục vụ cho gia đình.

+ Địa điểm ký kết các hợp đồng kinh tế là sử dụng trụ sở làm việc của DN HH cho việc ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế thuê tài sản giữa Công ty HV với DN HH.

+ Đến ngày 05 tháng 01 năm 2016, ông Dương Minh Tr là chủ DN HH. Trong thời gian ông Tr làm chủ DN HH, ông Tr chung sống chung với ông C tại trụ sở DN HH, ông Tr là chủ tài khoản và sử dụng con dấu DN HH thực hiện quyết toán chứng từ, chuyển tiền trả tiền thuê tủ hàng tháng. Kể từ ngày ông Tr là chủ DN HH, về pháp lý thì ông Tr vẫn pM chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao doanh nghiệp theo quy định tại Điều 187 Luật Doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của DN HH. Việc bà H thay mặt DN HH ký hợp đồng với công ty HV thì ông Tr biết mà không phản đối ngay thì được xem là đồng ý.

+ Ông C, ông Tr khi là chủ doanh nghiệp nếu không đồng ý với bất kỳ hành vi nào của ông Út, bà H thì pM phản đối và yêu cầu bảo vệ quyền lợi theo đúng quy định pháp luật. Trong thời gian nhiều năm liền, hoạt động DNTN HH vẫn hoạt động bình thường, liên tục cho đến khi phát sinh tranh chấp thì ông C mới cho rằng không biết tài sản của ai, không biết ai ký hợp đồng, không biết mọi việc liên quan đến DN HH là không có căn cứ.

Các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập, có đủ cơ sở để xác định ông Dương Minh C, ông Dương Minh Tr vào thời điểm là chủ DN HH hoàn toàn biết mọi hoạt động của doanh nghiệp và chấp nhận hành vi của ông Lê Minh Út, bà Phạm Thị Lệ H ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty HV, hoàn toàn không phản đối.

Căn cứ vào mục 2 phần I của Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2003, Điều 185 Luật Doanh nghiệp về quản lý doanh nghiệp. Đây là trường hợp được xem người có thẩm quyền chấp thuận nếu người đó đã biết hợp đồng kinh tế đã được ký kết mà không phản đối ngay thì xem là “Đồng ý”.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của các bị đơn cho rằng Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2011 vô hiệu là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Riêng đối với yêu cầu đưa ông Lê Văn Út và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn Út vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, thấy rằng: Vào ngày 30/11/2011, ông Út ký Hợp đồng số 07/HĐKT mặc dù trên danh nghĩa là giám đốc, Nhưng thực tế ông Út chỉ là người làm công hưởng lương cho DN HH do ông C làm chủ và điều hành mọi hoạt động của doanh nghiệp, mục đích của việc ký Hợp đồng với Công ty HV để sản xuất, kinh doanh tạo lợi nhuận cho DN HH. Một thời gian sau khi ký kết hợp đồng thì vào năm 2015, ông Út chết do bị bệnh. Do đó, xét thấy không cần

thiết đưa ông Lê Văn Út vào tham gia tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4]. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH cơ điện lạnh HV, nhận thấy: Đối với tài sản là: 03 tủ cấp đông tiếp xúc 1.000kg/m³/3 giờ; 01 tủ cấp đông gió 1.000kg/m³/5 giờ; Hệ thống hoàn chỉnh vận hành cho 04 tủ cấp đông trên gồm: 01 cụm máy nén Mycom 62B; 03 cụm máy nén Mycom 42B; 01 bình chứa cao áp phi 1066 x 5,1m; 02 bình ngưng tụ phi 508 x 3m; 01 bình thấp áp phi 1066 x 2,4m; 01 bình trung gian; 01 bình gom nhớt; 04 tủ điện điều khiển; 04 tủ điều khiển bom dịch; 01 tháp giải nhiệt; 01 hệ thống ống dẫn gas và van điều khiển.

Đây là loại tài sản là máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm nên thời gian Trch khấu hao tối đa là 15 năm (100%), (Theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính). Quá trình cho thuê pM trừ hao mòn tự nhiên của tài sản do tài sản tham gia vào hoạt động sản xuất, do tiến bộ kỹ thuật, hàng tháng trả tiền thuê pM tính khấu hao tài sản. Do yêu cầu của nguyên đơn tính tiền thuê đến thời điểm xét xử nên pM tính khấu hao đối với giá trị tài sản theo thời gian. Mặc khác hàng năm, Công ty HV đều bảo dưỡng, sửa chữa, duy tu tài sản cho thuê để đảm bảo hoạt động theo tiêu chuẩn ban đầu của tài sản Nhng vẫn pM tính hao mòn tự nhiên theo thời gian khấu hao tối đa đối với loại tài sản này là 15 năm. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết, phía các bị đơn ông C, bà H, ông Tr tự ý lấy các tài sản nói trên đem bán, hiện không còn tồn tại.

Cấp sơ thẩm cho rằng giá trị tài sản cùng loại mới theo khảo sát và Hội đồng định giá xác định tài sản mới có giá là 7.020.200.000 đồng. Tài sản của Công ty HV đã đưa vào sử dụng, thời điểm DN HH sử dụng và thuê kể từ năm 2010 đến năm 2020 là 11 năm, thì giá trị còn lại của tài sản là 26,6% (15 năm = 100%, đã sử dụng 11 năm = 73,4%), là chưa chính xác.

Theo Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2011 ngày 30/4/2011, quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn DN HH vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê, tự ý bán tài sản vào khoản tháng 7/2017, theo lời khai của ông C, ông Tr và biên bản xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang. Nh vậy, từ năm 2017, tài sản trên đã không còn tồn tại. Tòa án cấp sơ thẩm buộc doanh nghiệp HH trả tài sản bị chiếm đoạt trị giá bằng tiền là đúng pháp luật, dựa trên kết quả của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án thành lập, Nhng cách tính thời gian khấu hao chưa chính xác. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận một phần kháng cáo này của nguyên đơn là có cơ sở, cụ thể:

Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2011 thì DNTN HH thuê và sử dụng tài sản từ ngày 30/4/2011 đến 30/8/2020 (xét xử sơ thẩm) là 09 năm 04 tháng (112 tháng).

15 năm (180 tháng) = 100%; đã sử dụng 09 năm 04 tháng (112 tháng) = 62,2%

Giá trị còn lại của tài sản là: $100\% - 62,2\% = 37,8\%$

$7.020.200.000đ \times 37,8\% = 2.653.635.600$ đồng

Nh vậy, giá trị toàn bộ tài sản thuê còn lại là 2.653.635.600 đồng. Các bị đơn ông C, ông Tr, bà H cùng có nghĩa vụ liên đới pM trả cho nguyên đơn giá trị tài sản trị giá bằng tiền là 2.653.635.600 đồng.

- Đối với yêu cầu trả tiền thuê tài sản tính từ tháng 10 và 11/2016 = 42.350.000 đồng/tháng và tiếp tục tính tiền thuê từ tháng 12/2016 đến tháng 8/2020 (thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án) là 1.215.000.000 đồng, nhận thấy: Căn cứ vào Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2011 các bên thỏa thuận “Nếu số lượng sản phẩm đông thấp hơn 70 tấn/tháng thì lấy số liệu 70 tấn làm giá trị thanh toán của tháng đó”. Tuy nhiên, Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2013, Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2014, Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-2015 các bên đã thỏa thuận thống nhất lại “Số lượng bao nhiêu tính tiền bấy nhiêu”. Các phụ lục này được lập sau hợp đồng chính (Hợp đồng số 07/HĐKT-2011), mục đích sửa đổi điều khoản về “Giá cả và phương thức thanh toán”. Nh vậy, áp dụng thỏa thuận của phụ lục hợp đồng để xác định giá cả thanh toán căn cứ vào sản lượng thực tế. Bên thuê DN HH không trả lại tài sản thuê nên pM trả tiền thuê trong thời gian giữ tài sản thuê và pM bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 4 Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời gian Công ty HV ra thông báo chấm dứt hợp đồng, yêu cầu trả lại tài sản Nhng ông C, bà H, ông Tr (Chủ DN HH) vẫn chiếm giữ tài sản là lỗi thuộc về DN HH nên pM chịu trách nhiệm đối với khoản thiệt hại đã gây ra cho Công ty HV.

Nh vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tính tiền thuê pM thanh toán là 1.257.350.000 đồng (gồm tiền thuê tháng 10 và 11/2016 là 42.350.000 đồng/tháng + tiền thuê từ tháng 12/2016 đến tháng 8/2020 là 1.215.000.000 đồng là có căn cứ, Nhng chưa chính xác đối với số tiền thuê tháng 10 và 11/2016, tiền thuê mỗi tháng là 42.350.000 đồng x 2 tháng = 84.700.000 đồng Nhng cấp sơ thẩm chỉ tính có 42.350.000 đồng là còn thiếu sót, nên cấp phúc thẩm cần sửa lại phần này cho đúng.

[5]. Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty HV pM chịu 78.767.172 đồng án phí kinh doanh sơ thẩm (Đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là chưa đúng quy định theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bởi vì, Công ty HV kiện đòi tài sản cho thuê và tiền thuê tài sản Nhng cấp sơ thẩm gộp chung vào để áp dụng giá ngạch để tính án phí buộc nguyên đơn, bị đơn pM chịu án phí có giá ngạch là không chính xác. Do đó cần sửa lại đối với yêu cầu đòi tài sản, tính án phí không có giá ngạch cho phù hợp theo quy định pháp luật.

[6]. Ngoài ra, quá trình thụ lý giải quyết ở cấp sơ thẩm còn nhiều sai sót Nh: Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty HV có kiến nghị khởi tố vụ án hình sự và chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ 1 tỷ đồng do ông C tự giao nộp để khắc phục hậu quả, sau đó Cơ quan điều tra ra quyết định không khởi tố và chuyển hồ sơ cho Tòa án huyện P để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự Nhng số tiền nêu trên không được làm rõ và đề cập trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm.

- Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty HV yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của bị đơn. Tòa án nhân dân huyện P đã ban hành quyết định số 12/2019/QĐ-BPKCTT, phong tỏa tài sản của ông Dương Minh Tr gồm 3 giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH05038; 03678/gF; CH04932. Nguyên đơn đã nộp tiền thực hiện biện pháp bảo đảm 400.000.000 đồng. Việc xử lý số tiền tạm nộp bảo đảm và giải quyết áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không được đề cập trong bản án sơ thẩm.

- Việc kê biên biện pháp khẩn cấp tạm thời, bên bị đơn là ông Dương Minh Tr, chủ doanh nghiệp HH trước đó đã ký hợp đồng cho Công ty Quang Kháp thuê tài sản trong đó có phần tài sản kê biên là QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04932, Nhưng cấp sơ thẩm không đưa Công ty Quang Kháp vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn yêu cầu hủy một phần của Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04932, tờ bản đồ số 24, thửa số 246, diện tích 522,0m² đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện P, tỉnh An Giang, do Dương Minh Tr đứng tên;

Đối với phần còn lại của Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang yêu cầu tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án và yêu cầu được nhận lại số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm ở Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm. Xét thấy, sự tự nguyện của nguyên đơn yêu cầu hủy một phần của Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, đồng thời tại phiên tòa đại diện bị đơn cũng đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu hủy một phần của Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04932, tờ bản đồ số 24, thửa số 246, diện tích 522,0m² đất. Do đó, nghĩ nên chấp nhận.

Đối với việc đại diện bị đơn cho rằng diện tích đất còn lại của Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, có một phần lỗi đi ra vào của Công ty Quang Kháp sẽ ảnh hưởng trong quá trình hoạt động của Công Ty Quang Kháp, Nhưng không có chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận.

[7]. Trong vụ án này, cấp sơ thẩm còn nhiều thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, quá trình thụ lý giải quyết ở cấp phúc thẩm đã thu thập thêm tài liệu chứng cứ, áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục những thiếu sót của cấp sơ thẩm cụ thể:

Trước đó Cơ quan điều tra có thu giữ 1 tỷ đồng do ông Dương minh C tự giao nộp để khắc phục hậu quả trong vụ kiện này, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu

cầu Cơ quan điều tra chuyển số tiền trên vào tài khoản của ông Dương Minh C, đồng thời, ngày 31/3/2021 đã ban hành Quyết định số 02/2021/QĐ-BPKCTT phong tỏa tài khoản số 6700206018015 với số tiền 1.000.000.000đ của ông C tại Agibank chi nhánh An Giang để đảm bảo thi hành án.

[8]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH cơ điện lạnh HV và các bị đơn ông C, bà H, ông Tr. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2020/KDTM-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện P, Nh đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[9]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không pM chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Dương Minh Tr – Chủ DNTN HH, ông Dương Minh C, bà Phạm Thị Lệ H.

- Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2020/KDTM-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157; điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; BLTTDS; Điều 288, 403, 472, Điều 481, Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 183, 185, 187 Luật Doanh nghiệp; Điều 306 Luật thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ cũ là 186.599.928 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV đối với giá trị tài sản thuê là 2.653.635.600 đồng;

- Chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền thuê đối với số tiền 1.299.700.000 đồng (gồm tiền thuê tháng 10 và 11/2016 là 84.700.000 đồng + tiền thuê từ tháng 12/2016 đến tháng 8/2020 là 1.215.000.000 đồng).

- Buộc bị đơn ông Dương Minh Tr – Chủ DNTN HH, ông Dương Minh C, bà Phạm Thị Lệ H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV tổng số tiền là: 3.953.335.600 đồng (*Ba tỷ chín trăm năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm đồng*)

Kể từ ngày nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV có đơn yêu cầu thi hành án, các bị đơn ông C, bà H, ông Tr còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả của ba ngân hàng Vietcombank, Agribank, Vietinbank trên địa bàn vào thời điểm xét xử là 8.5%/năm.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 14/2019/QĐ-BPBD ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện P. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 6708601249799 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Agribank Chi nhánh huyện P, tỉnh An Giang;

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBD ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cơ điện lạnh HV số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 6700206018XXX tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Agribank Chi nhánh tỉnh An Giang.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 31/3/2021, “phong tỏa tài khoản của ông Dương Minh C, sinh năm: 1947; CMND số 350547XXX, tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Agribank Chi nhánh tỉnh An Giang, tài khoản số: 6700206018XXX, số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cho đến khi Thi hành xong.

- Hủy bỏ một phần của Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang. Đối với Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH04932, tờ bản đồ số 24, thửa số 246, diện tích 522,0m² đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại xã VTT, huyện P, tỉnh An Giang do Dương Minh Tr đứng tên.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 12/2019/QĐ-BPKCTT ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang;

Phong tỏa tài sản của ông Dương Minh Tr, sinh năm: 1983, số CMND 35155XXX, gồm:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số và số cấp giấy chứng nhận số: CH05038, cấp ngày 28 tháng 11 năm 2011 đã chuyển cho ông Dương Minh Tr, sinh năm: 1983, CMND số 35155XXX, diện tích 597,1m² đất tọa lạc tại xã VTT, huyện P, tỉnh An Giang đứng tên (được Văn phòng

đăng ký đất đai – Chi nhánh P xác nhận nội dung tặng cho quyền sử dụng đất trong những phần nội dung thay đổi sau khi được cấp giấy chứng nhận trên trang 03 của giấy chứng nhận ngày 07 tháng 6 năm 2019).

+ Quyền sử dụng đất với sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03678QSDĐ/gF ngày 31 tháng 5 năm 2002, tờ bản đồ số 19, thửa 66, diện tích 638,0m² đất, tọa lạc tại xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện P, tỉnh An Giang do ông Dương Minh Tr đứng tên (được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh P xác nhận nội dung tặng cho quyền sử dụng đất trong những phần nội dung thay đổi sau khi được cấp giấy chứng nhận trên trang 04 của giấy chứng nhận ngày 07 tháng 6 năm 2019), cho đến khi Thi hành xong.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các đương sự không pM chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn ông Dương Minh Tr – Chủ DNTN HH phải chịu 17.997.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp bao gồm: 300.000 đồng theo biên lai thu số TU/2019/0003642 ngày 31/8/2020 và 1.700.000 đồng theo biên lai thu số TU/2019/0003656 ngày 04/9/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang. Ông Dương Minh Tr còn phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại là 15.997.000 đồng.

- Ông Dương Minh C, bà Phạm Thị Lệ H do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm,

- Nguyên đơn Công ty TNHH cơ điện lạnh HV phải chịu 27.700.000 đồng án phí kinh doanh sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp bao gồm: 1.000.000 đồng theo biên lai thu số TU/2015/0009323 ngày 04/10/2016; 8.739.000 đồng theo biên lai thu số TU/2015/0009350 ngày 20/10/2016 và 2.000.000 đồng theo biên lai thu số TU/2019/0003655 ngày 03/9/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang. Công ty HV còn phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm còn lại là 15.961.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- TAND huyện P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THA huyện P;
- Văn Phòng;
- Tòa Kinh tế;
- Đường sá;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Thám